

Tháng 03/2026



BẢN TIN

THỊ TRƯỜNG VẬN TẢI BIỂN

CÔNG TY VẬN TẢI BIỂN VIMC
VIMC SHIPPING COMPANY

📍 1st Floor, Ocean Park Building

No.1 Dao Duy Anh Str., Kim Lien Ward, Ha Noi, Viet Nam

☎ +84 24 3577 0886

☎ +84 24 3577 0869/99

✉ vlc@vimc-shipping.com

<https://vimc-shipping.com/>



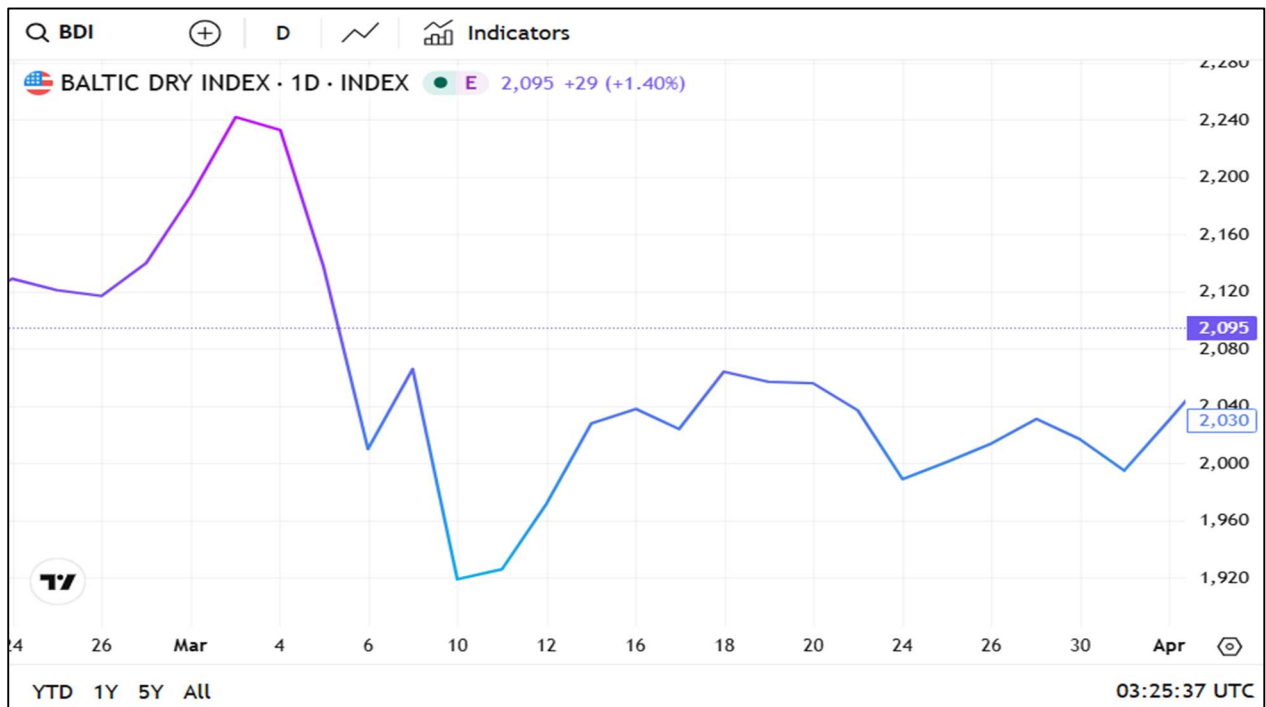


TIN THỊ TRƯỜNG TÀU HÀNG KHÔ:

Baltic Exchange Market INDEX

Chỉ số	Ngày 31/03/2026	Ngày 27/02/2026	Chênh lệch (+/-)
Baltic Dry Index (BDI)	1995	2140	-145
Capesize (BCI)	2947	3056	-109
Panamax (BPI)	1744	1942	-198
Supramax (BSI)	1202	1338	-136
Handy Size (BHSI)	702	776	-74

Chỉ số ngày 31/03/2026 BDI là 1995 điểm (Cape: 2947; Panamax: 1744; Supra: 1202; Handy: 702 điểm) tất cả các size tàu đều giảm so với tháng 2/2026.



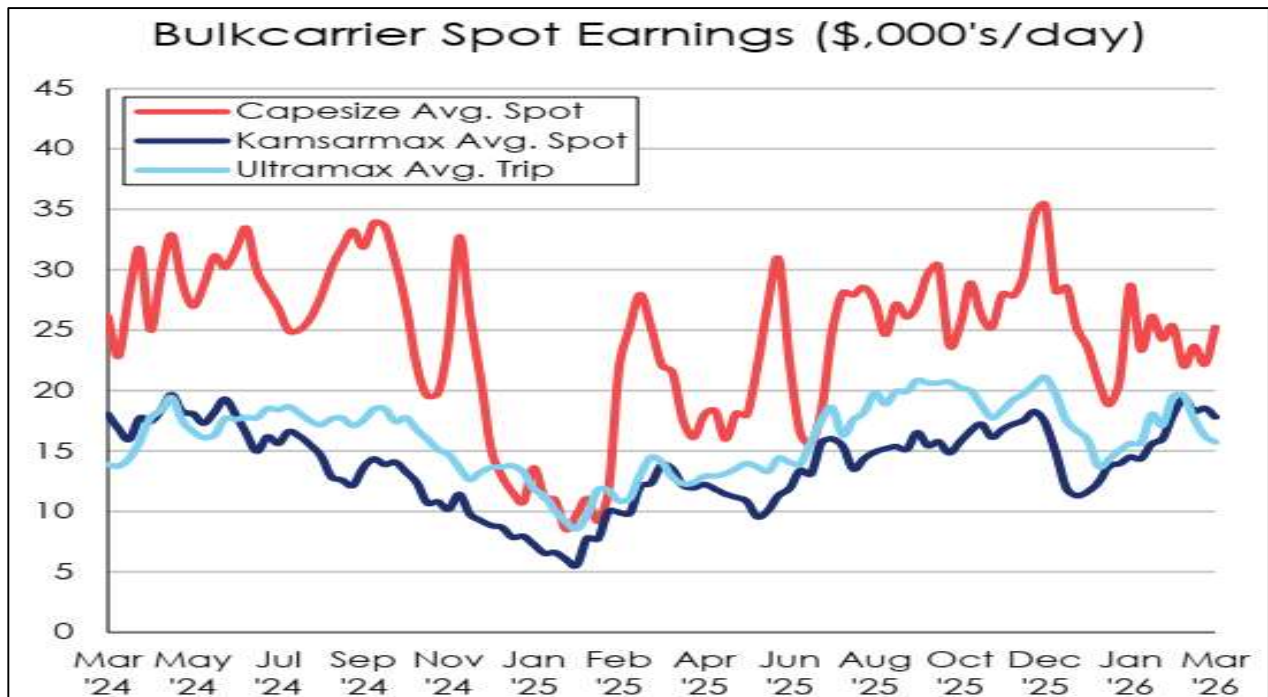
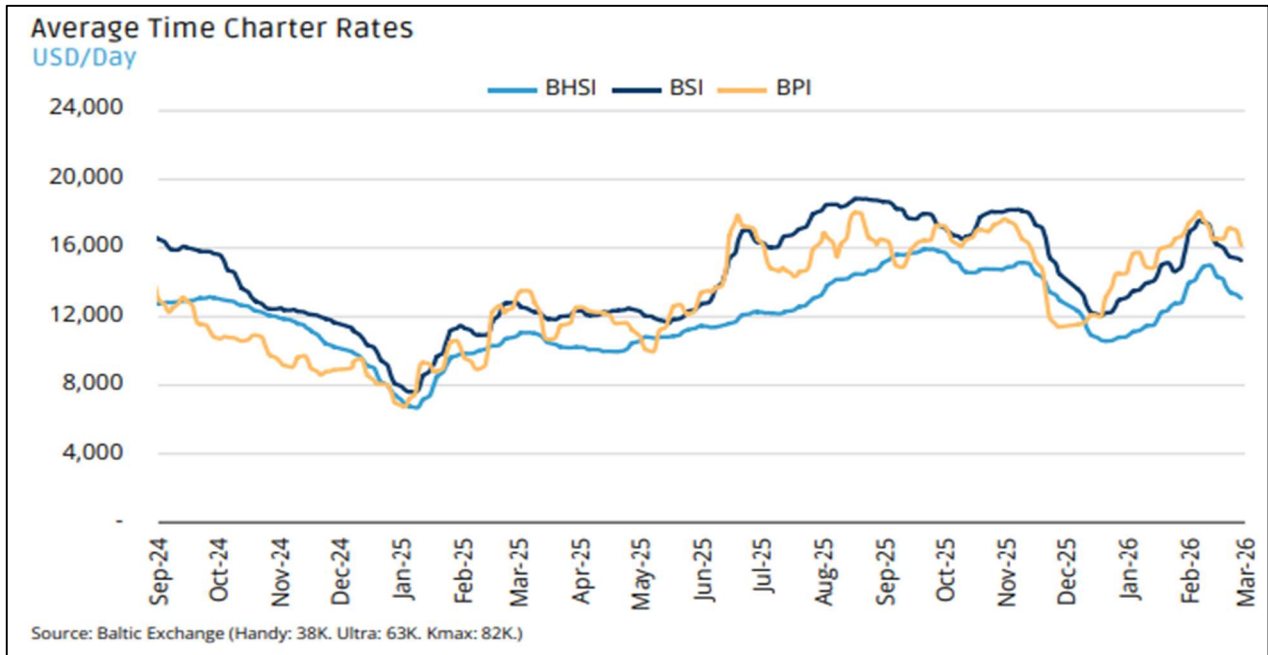
Trong tháng 03/2026, BDI sau 10 ngày đầu tiên giảm điểm nhanh thì quay đầu tăng nhẹ lại và dao động quanh mức 2000 này đến cuối tháng.

Capesize: Doanh thu của tàu Capesize đã tăng lên trong tuần này, với doanh thu được hỗ trợ bởi giá nhiên liệu giảm. Khu vực Thái Bình Dương đã chứng kiến một số sự quan tâm mua sắm từ các công ty khai thác và vận hành, mặc dù nguồn cung tàu đã tăng lên sau một khởi đầu yên tĩnh trong tuần. Tại Bắc Đại Tây Dương, các lô hàng mới tiếp tục xuất hiện trong bối cảnh danh sách trọng tải đang thắt chặt. Tổng thể, doanh thu trung bình trọng số của tàu Capesize trên thị trường đã phục hồi 15% so với tuần trước, đạt 23,620 USD/ngày.



Panamamax: Hoạt động sửa chữa hạn chế vẫn tiếp diễn ở cả hai lưu vực trong tuần này, với sự quan tâm yếu ớt và danh sách tàu dài giữ áp lực lên giá cước. Tại Thái Bình Dương, hoạt động khu vực vẫn không đồng đều, với lượng than giảm vào Trung Quốc và nhiều hàng hóa di chuyển về phía Ấn Độ hơn.

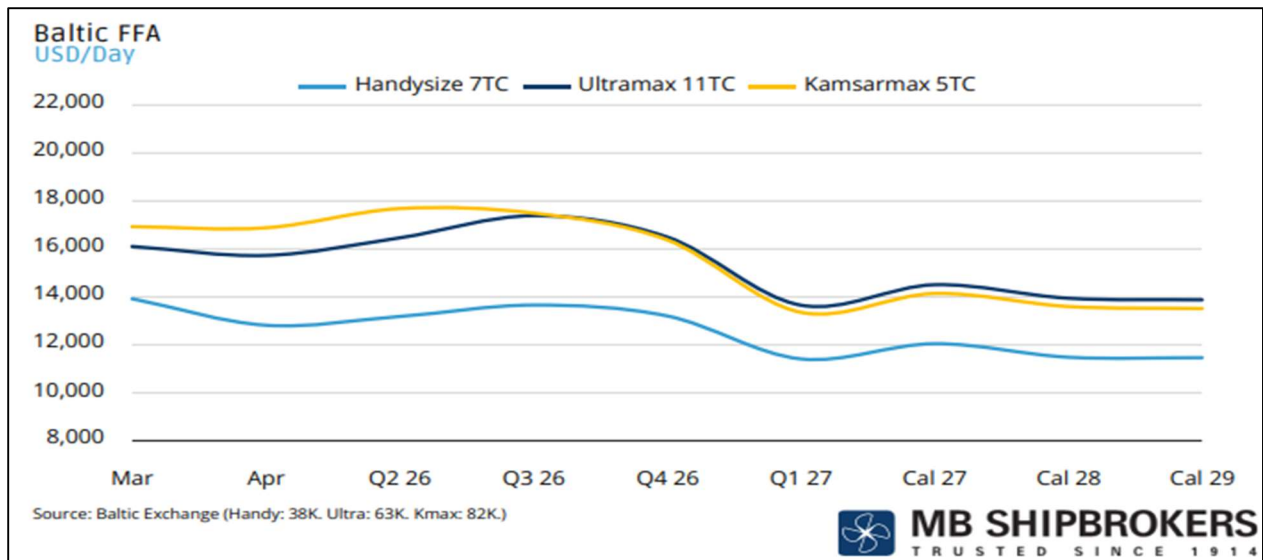
Handysize: Thị trường Handy lại giảm nhẹ trong tuần này, với tâm lý vẫn âm ảm ở cả hai lưu vực. Hoạt động vẫn thận trọng nói chung khi sự biến động của giá nhiên liệu tiếp tục ảnh hưởng đến chi phí chuyển đi và hạn chế bất kỳ sự cải thiện đáng kể nào về giá cước.





THỊ TRƯỜNG FFA:

Tanker FFA Indications	\$/day, 26 Mar 2026			
	Index	Mar-26	Q2-26	Cal 27
TD3C Gulf-China 270kt	356,483	434,036	280,218	64,363
TD20 WAF-UKC 130kt	215,297	159,274	125,709	40,572
TC5 Gulf-Japan 55kt	74,741	53,746	65,367	21,225
TC2 UKC-USAC 37kt	33,966	25,981	28,397	8,350



Thị trường FFA: thị trường tháng có xu hướng tăng nhưng rất nhẹ đến quý IV sẽ quay đầu giảm dần và giảm mạnh vào quý I/2027 sau đó sẽ duy trì xu hướng ổn định đến năm 2029.

SỰ KIỆN NỔI BẬT:

Tháng 3/2026 đánh dấu một giai đoạn đầy thách thức khi nền kinh tế toàn cầu phải đối mặt với "cú sốc kép" từ địa chính trị và năng lượng. Việc phong tỏa các tuyến đường hàng hải huyết mạch tại Trung Đông đã đẩy giá dầu Brent vượt ngưỡng 120 USD/thùng, gây ra làn sóng lạm phát chi phí đẩy trên diện rộng. Tại khu vực châu Âu, giá khí đốt thiên nhiên hóa lỏng (LNG) tăng đột biến hơn 140% buộc nhiều quốc gia phải tái khởi động các nguồn năng lượng truyền thống như than đá để đảm bảo an ninh quốc gia. Sự gián đoạn này không chỉ làm tê liệt các chuỗi cung ứng năng lượng mà còn đe dọa trực tiếp đến đà phục hồi sau đại dịch của nhiều nền kinh tế lớn.

Bức tranh tăng trưởng thế giới đang cho thấy sự phân hóa rõ rệt với xu hướng trì trệ bao trùm. IMF đã điều chỉnh hạ dự báo tăng trưởng toàn cầu năm 2026 xuống mức 3,1% -



3,3%, phản ánh sự bi quan trước các xung đột kéo dài. Trong khi Mỹ vẫn duy trì được sự ổn định tương đối với mức tăng trưởng dự báo khoảng 2,2%, thì Eurozone lại đứng trước rủi ro lạm phát đình trệ (stagflation) khi chi phí sản xuất leo thang ăn mòn lợi nhuận doanh nghiệp. Ngược lại, các nền kinh tế mới nổi như Ấn Độ vẫn giữ được tốc độ tăng trưởng ấn tượng trên 6%, trở thành điểm sáng hiếm hoi trong bối cảnh bức tranh kinh tế chung đang dần chuyển sang gam màu tối.

Về chính sách tiền tệ, các ngân hàng trung ương đang đứng trước những lựa chọn nghiệt ngã giữa việc kiềm chế lạm phát và hỗ trợ tăng trưởng. Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) được dự báo sẽ duy trì lãi suất ở mức cao kỷ lục để đối phó với áp lực giá hàng hóa tăng trở lại và các chính sách thuế quan mới. Tại châu Âu, Ngân hàng Trung ương Châu Âu (ECB) dù giữ nguyên lãi suất trong cuộc họp giữa tháng 3 nhưng đã đưa ra những cảnh báo nghiêm trọng về rủi ro suy thoái. Sự bất định trong chính sách tiền tệ, kết hợp với các rào cản thương mại mới, đang tạo ra một môi trường kinh doanh đầy rủi ro, khiến dòng vốn đầu tư toàn cầu có xu hướng co cụm về các tài sản trú ẩn an toàn.

Ngân hàng trung ương Nhật Bản giữ nguyên lãi suất. Ngày 19/3, Ngân hàng trung ương Nhật Bản (BoJ) đã quyết định giữ nguyên lãi suất, duy trì lập trường thận trọng trong bối cảnh tình hình ngày càng khó lường do cuộc khủng hoảng ở Trung Đông leo thang. Sau cuộc họp hội đồng quản trị kéo dài 2 ngày, BoJ thông báo giữ nguyên lãi suất ở mức 0,75%. Đây là cuộc họp thứ 2 liên tiếp BoJ không thay đổi lãi suất. Lần tăng lãi suất gần nhất của BoJ là vào tháng 12/2025, đưa lãi suất chính sách của ngân hàng lên mức cao nhất trong 30 năm. Quyết định được đưa ra trong bối cảnh cuộc xung đột lan rộng ở Trung Đông. Mối lo ngại ngày càng gia tăng về sự gián đoạn nguồn cung năng lượng toàn cầu do Iran trên thực tế đã đóng cửa eo biển Hormuz. BoJ cũng đang đối mặt với thời kỳ khó khăn do áp lực từ đồng yen suy yếu. Đồng tiền Nhật Bản đã giảm mạnh so với đồng USD, tiến gần mốc 160 yen/USD.

Xung đột quân sự ở Trung Đông khiến triển vọng Fed hạ lãi suất trở nên mờ mịt. Giới đầu tư đang giảm đặt cược vào việc Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) hạ lãi suất trong năm nay, do giá dầu tăng mạnh và những biến động trên thị trường lao động Mỹ đã làm phức tạp thêm nhiệm vụ kép Fed là vừa thúc đẩy tăng trưởng kinh tế vừa kiểm soát lạm phát. Cho tới gần đây, nhiều nhà đầu tư vẫn kỳ vọng rằng Fed sẽ thực hiện ít nhất hai lần cắt giảm lãi suất trong năm nay, trước thềm cuộc bầu cử giữa kỳ quan trọng vào tháng 11. Tuy nhiên, trong tuần này, đặt cược vào việc Fed sẽ cắt giảm lãi suất đã giảm đáng kể. Thị trường lãi suất tương lai hiện chỉ dự đoán Fed sẽ hạ lãi suất một hoặc hai lần trong năm nay, với lần cắt giảm đầu tiên có thể diễn ra vào tháng 9. Trước đó, thị trường đã dự đoán từ hai đến ba lần cắt giảm, với đợt giảm đầu tiên có thể diễn ra vào tháng 6 hoặc tháng 7.



Xuất khẩu của Trung Quốc tăng vượt dự báo. Ngày 10/3, Hải quan Trung Quốc công bố số liệu cho thấy trong 2 tháng đầu năm, kim ngạch xuất khẩu của nước này tăng 21,8% so với cùng kỳ năm ngoái. Tốc độ này vượt xa dự báo tăng 7,1% của các nhà kinh tế học. Kim ngạch nhập khẩu cũng tăng 19,8%, cao gấp 3 lần so với dự báo. Thặng dư thương mại trong 2 tháng đầu năm đạt 213,6 tỷ USD, cao hơn cùng kỳ năm ngoái. Điều này cho thấy nền kinh tế lớn thứ hai thế giới vẫn có sức chống chịu tốt, bất chấp căng thẳng thương mại với Mỹ một năm qua. Kim ngạch thương mại song phương với Washington giảm gần 17% xuống 609,7 tỷ nhân dân tệ (88,2 tỷ USD). Trong khi đó, số liệu này với Liên minh châu Âu (EU) tăng gần 20% lên sát 999 tỷ nhân dân tệ. Thương mại với khu vực ASEAN tăng hơn 20% lên 1.240 tỷ nhân dân tệ.

Rủi ro của xung đột ở Trung Đông với kinh tế toàn cầu. Căng thẳng ở Iran có thể kéo theo lạm phát do gián đoạn vận tải qua Trung Đông và gia tăng yếu tố bất ổn với kinh tế thế giới. Với nguy cơ giá năng lượng leo thang, dự báo nếu xung đột kéo dài có thể khiến lạm phát toàn cầu tăng thêm 0,6-0,7%. Trong đó, châu Âu sẽ chịu tác động lạm phát lớn hơn Mỹ, do vị trí địa lý gần hơn của các mỏ dầu khí khu vực eo biển Hormuz. Bên cạnh đó, nhiều nước Châu Á như Nhật Bản, Philippines phụ thuộc gần 90%, trong khi Trung Quốc và Ấn Độ nhập khẩu lần lượt khoảng 38% và 46% nhu cầu dầu từ eo biển Hormuz. Bất kỳ gián đoạn nào ở khu vực này sẽ hạn chế nguồn cung, có khả năng gây ra tình trạng thiếu hụt, làm chậm hoạt động kinh doanh và gây áp lực lên ngành sản xuất khắp châu Á. Ngoài gánh chi phí khi giá dầu tăng, xuất khẩu của một số nền kinh tế châu Á cũng có thể chịu ảnh hưởng.

Quy mô kinh tế Ấn Độ chưa vượt được Nhật Bản. Số liệu GDP mới nhất của Ấn Độ cho thấy nước này chưa thể vượt Nhật Bản để trở thành nền kinh tế lớn thứ tư thế giới năm nay như dự báo trước đó. Chính phủ Ấn Độ vừa công bố quy mô nền kinh tế trong năm tài chính 2025-2026 (kết thúc vào tháng 3/2026) ước tính đạt 345.470 tỷ rupee. Dựa trên tỷ giá hối đoái trung bình giai đoạn này cho thấy quy mô nền kinh tế Nam Á tương đương khoảng 4.000 tỷ USD, thấp hơn GDP Nhật Bản năm 2025, ở mức 4.400 tỷ USD. Với GDP danh nghĩa theo dữ liệu mới thấp hơn dự kiến và ước tính trước đó, khó có khả năng quy mô kinh tế của Ấn Độ vượt qua Nhật Bản trong năm nay, hoặc thậm chí là năm sau.

Trân trọng cảm ơn!